

NGHIÊN CỨU NHỆN (ARANEAE) Ở KHU DU LỊCH ĐẠI LAI, TỈNH VĨNH PHÚC

Phạm Đình Sắc^{1*}, Nguyễn Thị Yến²

¹Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật
²Trường Đại học Khoa học - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhện ở khu du lịch Đại Lai, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đã được tiến hành năm 2015. Các điểm được lựa chọn để nghiên cứu bao gồm: vườn quanh nhà, rừng phòng hộ, khu vực bãi tắm, đảo Ngọc. Tổng số 419 cá thể nhện, 27 loài của 6 họ nhện đã được thu thập và ghi nhận. Điểm có số loài cao nhất là vườn quanh nhà (24 loài), rừng phòng hộ (17 loài), đảo Ngọc (9 loài), khu vực bãi tắm (7 loài). Số lượng cá thể nhện thu được cao nhất ở bãi tắm (178 cá thể) và vườn quanh nhà (135 cá thể), trong khi đó số lượng cá thể nhện thu được rất thấp ở các điểm còn lại: rừng phòng hộ (63 cá thể), đảo Ngọc (43 cá thể). Kết quả chỉ ra rằng nơi sống ảnh hưởng rõ rệt tới sự quần tụ của nhện. Nhện quần tụ ở những khu vực đa dạng về nguồn thức ăn, sự cô lập của nơi sống không có lợi cho sự tồn tại và phát triển của các loài nhện.

Từ khóa: nhện (*Araneae*), thành phần loài, quần tụ, khu du lịch Đại Lai, Vĩnh Phúc

ĐẶT VẤN ĐỀ

Cấu trúc quần xã nhện, bao gồm đa dạng thành phần loài và đặc trưng phân bố của chúng có liên quan chặt chẽ đến điều kiện khí hậu và môi trường. Các loài nhện rất nhạy cảm với những biến đổi của môi trường, đặc biệt là các tác động bởi con người vào môi trường tự nhiên.

Việc nghiên cứu về đa dạng và sự phân bố của nhện ở các hệ sinh thái khác nhau có ý nghĩa quan trọng trong chi thị sinh học, là cơ sở cho việc quản lý và khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu cấu trúc quần xã của nhện làm cơ sở chỉ ra những tác động tiêu cực và tích cực của những nhân tố tự nhiên và nhân tác đến quần xã sinh vật ở những khu du lịch là rất quan trọng. Chính vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu thành phần và sự quần tụ của nhện ở khu du lịch Đại Lai, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được tiến hành ở 4 điểm: vườn quanh nhà, rừng phòng hộ, khu vực bãi tắm và đảo Ngọc. Rừng phòng hộ là khu vực trồng cây lâu năm và ngăn ngừa được sử dụng để bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn, điều hòa

khí hậu, bảo vệ môi trường. Vườn quanh nhà trồng cây lâu năm và cây ngắn ngày xung quanh khu dân cư. Khu vực bãi tắm chịu sự tác động lớn của con người, phục vụ mục đích du lịch. Đảo Ngọc là một khu đất nằm giữa hồ Đại Lai, trồng cây lâu năm và cây ngắn ngày.

Thu nhện bằng 2 phương pháp bao gồm phương pháp bẫy hổ và phương pháp rây rác. Phương pháp bẫy hổ sử dụng các ly nhựa (kích thước 8 x 12 cm) chôn ngập xuống đất sao cho bề mặt cốc bằng với mặt đất, trong cốc cho 100 ml dung dịch hỗn hợp cồn 70⁰ và 5% Formalin. Các ly nhựa đặt cách nhau 2 mét. Phương pháp rây rác: thu gom rác trên mặt đất cho vào rây rồi lắc, nhện sẽ rơi từ rác xuống, dùng panh mềm hoặc bút lông để thu bắt nhện.

Mẫu nhện thu thập tại các điểm nghiên cứu được bảo quản trong cồn 70%, được định loại và lưu trữ tại Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.

Định loại nhện theo các tài liệu Zabka (1985); Davies (1986); Chen và Gao (1990); Barrion và Litsinger (1995); Song và Zhu (1997) Song và cs (1999, 2002, 2004); Yin và cộng sự (1997); Zhu và cộng sự (2003),... Chi các mẫu nhện trưởng thành được sử dụng để định loại.

* Tel: 0983283856, Email: phamdingsac@gmail.com

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Chúng tôi đã điều tra và xác định được 27 loài nhện (bảng 1) thuộc 6 họ. Họ có số loài nhiều nhất là họ nhện nhày Salticidae (15 loài), tiếp đến là họ nhện sói Lycosidae (5 loài). Hai họ nhện này chiếm ưu thế về số lượng loài và số lượng cá thể thu được tại điểm nghiên cứu. Ba họ nhện, mỗi họ có 2 loài là: họ nhện cuốn tổ Clubionidae, họ nhện lùn Linyphiidae, họ nhện cang cang của Thomacidae. Họ Gnaphosidae chỉ có 1 loài.

Bảng 1. Thành phần và số lượng cá thể các loài nhện bắt gặp tại điểm nghiên cứu

STT	Tên khoa học	Số lượng cá thể nhện thu được và bắt gặp ở các điểm nghiên cứu				Tổng số
		Vườn quanh nhà	Rừng phòng hộ	Bãi tắm	Đảo Ngọc	
1. Họ Clubionidae						
1	<i>Cheracanthum catindigae</i> Barrion & Litsinger	2	2			4
2	<i>Clubiona japonicon</i> Boesenberg & Strand	4				4
2. Họ Gnaphosidae						
3	<i>Gnaphosa kompirensis</i> Bösenberg et Strand	7	2			9
3. Họ Linyphiidae						
4	<i>Atypena adelinae</i> Barrion & Litsinger	4	1	-	-	5
5	<i>Ummelata insecticeps</i> (Boesenberg & Strand)	6	3	7	3	19
4. Họ Lycosidae						
6	<i>Pardosa burmanca</i> Simon	12	11	28	4	55
7	<i>Pardosa pseudoanulata</i> (Boesenberg & Strand)	17	8	79	6	110
8	<i>Pardosa sumatrana</i> (Thorell)	4	2	11		17
9	<i>Pirata blabakensis</i> Barrion & Litsinger	7	4	21	11	43
10	<i>Pirata suppiraticus</i> Boesenberg et Strand	5	2	18	2	27
5. Họ Salticidae						
11	<i>Bianor hotingchiehi</i> Schenkel	14	7	14	8	43
12	<i>Burmattus sinicus</i> Proszynski	7				7
13	<i>Carrhotus sannio</i> (Thorell)		2			2
14	<i>Epeus gloriosus</i> Zabka	4			-	4
15	<i>Evarcha flavocincta</i> (C.L. Koch)	6	-		4	10
16	<i>Harmochirus brachiatus</i> (Thorell)	3	3			6
17	<i>Hasarius adansoni</i> (Savigny & Audouin)	5				5
18	<i>Marpissa magister</i> (Karsch)	2				2
19	<i>Myrmaracha legon</i> Wanless		1		-	1
20	<i>Phintella versicolor</i> (C.L. Koch)	2	4		2	8
21	<i>Phintella vittata</i> (C.L. Koch)	5				5
22	<i>Plexippus paykulli</i> (Savigny & Audouin)	3				3
23	<i>Plexippus petersi</i> (Karsch)		7			7
24	<i>Plexippus setipes</i> Karsch	4			3	7
25	<i>Thiania bhamoensis</i> Thorell	7	2			9
6. Họ Thomacidae						
26	<i>Runcinia acuminata</i> (Thorell)	1	2			3
27	<i>Xysticus palawanicus</i> Barrion & Litsinger	4				4
Tổng số cá thể (loài)		135 (24)	63 (17)	178 (6)	43 (9)	419 (27)

Kết quả bảng 1 cho thấy: số lượng loài nhện đã ghi nhận được rất cao ở vườn quanh nhà (24 loài), tiếp đến là ở rừng phòng hộ (17 loài), trong khi đó số lượng loài rất thấp ở các điểm khác: đảo Ngọc (9 loài), khu vực bãi tắm (6 loài).

Số lượng cá thể nhện thu được nhiều nhất ở bãi tắm (178 cá thể) và vườn quanh nhà (135 cá thể), trong khi đó, số lượng cá thể rất thấp ở các điểm còn lại: rừng phòng hộ (63 cá thể), đảo Ngọc (43 cá thể).

Kết quả điều tra cho thấy: ở khu vực bãi tắm, mặc dù số loài là thấp nhất, tuy nhiên, số lượng cá thể nhện thu được lại cao nhất. Các loài nhện sói (Lycosidae) phân bố rộng, tìm thấy ở tất cả các điểm nghiên cứu. Số lượng cá thể nhện sói ghi nhận được rất cao ở điểm bãi tắm. Các tác động bởi môi trường hoàn toàn không ảnh hưởng tới sự quần tụ của các loài nhện sói. Nhện sói là nhóm nhện có tập tính gần nước; xuất hiện ở khắp nơi, cả ở ven sông, ven suối, ven hồ... Mặt khác, nguồn thức ăn của nhện sói phong phú ở khu vực bãi tắm, kéo theo sự quần tụ của các loài nhện sói ở khu vực này.

Đảo Ngọc là hệ sinh thái bị cô lập, cây trồng bao gồm cây lâu năm và cây ngắn ngày. Chính vì sự cô lập, cho nên khu vực đảo Ngọc có số loài và số lượng cá thể nhện thu được ít nhất.

KẾT LUẬN

Tại khu du lịch Đại Lải đã ghi nhận được 27 loài thuộc 6 họ nhện, trong đó vườn quanh nhà có số loài cao nhất, tiếp đến là rừng

phòng hộ, đảo Ngọc, khu vực bãi tắm có số loài thấp nhất.

Nơi sống ảnh hưởng rõ rệt tới sự quần tụ của nhện. Nhện quần tụ ở những khu vực đa dạng về nguồn thức ăn. Sự cô lập của nơi sống không có lợi cho sự tồn tại và phát triển của các loài nhện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barrion A.T. and Litsinger J.A., 1995. Riceland Spiders of South and Southeast Asia. CAB International, 716 pp.
2. Chen X. and Gao J., 1990. The Sichuan farmland spider in China. Publishing house Chengdu China, 226 pp.
3. Davies, V.T., 1986. Australian Spider (Araneae). Honorary Associate. Queensland Museum, 37 pp.
4. Song D.X., Zhu M.S., Chen J., 1999. The Spiders of China. Hebei Science and Technology Publishing House, 640 pp.
5. Song D.X., Zhang J.X. and Li D.Q., 2002. A checklist of Spiders from Singapore (Arachnida Araneae). The Raffles Bulletin of Zoology, 50(2), 359-388.
6. Song D.X., Zhu M.S., 1997. Fauna sinica (Thomisidae, Philodromidae). Science Press, Beijing, China, 259 pp.
7. Song D.X., Zhu M.S., Zhang F., 2004. Fauna sinica (Gnaphosidae) Science Press, Beijing, China, 362 pp.
8. Yin C.M., Wang J.P., Xie L.P., Peng X.J., 1997. Fauna sinica (Araneidae). Science Press, Beijing, China, 460 pp.
9. Zhu M.S., 1998. Fauna sinica (Therididae). Science Press, Beijing, China, 436 pp.
10. Zabka M., 1985. Systematic and zoogeographic study on the family Salticidae (Araneae) from Vietnam. Annales zoologici. Polska Akademia Nauk, 196-485
11. Zhu M.S., Song D.X., Zhang J.X., 2003. Fauna sinica: Arachnida: Araneae: Tetragnathidae. Science Press, Beijing, China, 402 pp.

SUMMARY
STUDY ON SPIDERS (ARANEAE) IN DAI LAI RESORT,
VINH PHUC PROVINCE

Phạm Đình Sắc¹, Nguyễn Thị Yên²

¹Institute of Ecology and Biological Resources - VAST

²College of Sciences - TNU

Study on spiders in Dai Lai resort were undertaken in 2015. The sites have been chosen include the garden, plantation, lakeside and Ngoc island. A total of 419 individuals that belong to 6 families and 27 species were collected, among them, 24 species (135 adults) from garden, 17 species (63 adults) from plantation, 6 species (178 adults) from lakeside, and 9 species (43 adults) from Ngoc island. The results showed that the assemblage of spider was significantly different between sites.

Keywords: spider (*Araneae*), species composition, assemblage, Dai Lai resort, Vinh Phuc province

Ngày nhận bài: 12/01/2016; Ngày phản biện: 16/02/2016; Ngày duyệt đăng: 29/4/2016
Phân biên khoa học: PGS.TS. Bùi Minh Hồng – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

* Tel: 0983283856, Email. phamdnhnac@gmail.com